

Bài thứ 8 : Hệ Thống Động Từ theo Thì Hiện Tại Chủ Động

Không có động từ thì cũng không có cấu trúc câu: chúng ta đương nhiên đến phần nghiên cứu hệ thống động từ và cách chia động từ theo thì hiện tại chủ động. Đây là phần đầy thách thức với học viên vì Hy-lạp của Thánh Kinh có một hệ thống động rất phong phú và khá phức tạp, đó chính là sự cách trình bày, miêu tả phong phú của ngôn ngữ Hy-lạp. Nhưng điều đáng khích lệ đối với học viên mới nhập môn là sự phức tạp này không hẳn là quá khó có thể học hỏi.

Hệ Thống Động Từ

Tóm lược về thuật ngữ

Động từ trong tiếng Hy-lạp được phân biệt với ít nhất 6 loại thông tin, chúng tôi chỉ nêu ra ở đây vì chúng ta sẽ trở lại trong phần nghiên cứu :

- **Dạng thức (voix)** : *chủ động* và *thụ động*, nhưng cũng là *cách* thể hiện sự liên quan của chủ từ
- **Lối (mode)** : lối trình bày (*indicatif*), lối liên tiếp (*subjunctif*)...
- **Thì (temps)** : *hiện tại*, *quá khứ chưa hoàn thành (imparfait)*...
- **Thể thức (aspect)** : có nghĩa là liên quan đến hành động: sự kéo dài của hành động, thói quen hay sự lặp lại...
- **Ngôi (personne)** : thứ nhất, thứ nhì hay thứ ba
- **Số (nombre)** : số ít hay số nhiều

Các từ điển truyền thống phân loại các động từ theo ngôi thứ nhất số ít thì hiện tại chủ động chứ không theo dạng thức vô định (*infinitif*).

Như thế, chúng ta tìm thấy πιστεύω, *tin* – nhưng ý nghĩa thật của động từ πιστεύω là *tôi tin*.

Cách chia động từ hiện tại chủ động theo quy tắc

	Vĩ Tố của Từ -	πιστεύω <i>tin</i>	Phần phiên dịch
Ngôi thứ 1 s.ít	-ω	πιστεύ-ω	Tôi tin
= = 2 s.ít	-εις	πιστεύ-εις	Anh/chị tin
= = 3 s.ít.	-ει	πιστεύ-ει	Anh ấy/ chị ấy tin
Ngôi thứ 1 s.nh	-ομεν	πιστεύ-ομεν	Chúng tôi tin
= = 2 s.nh	-ετε	πιστεύ-ετε	Anh/chị tin (s.nh)
= = 3 s.nh	-ουσι[v]	πιστεύ-ουσι[v]	Họ (chúng nó) tin

CHÚ THÍCH

- **Ngôi thứ 3 số nhiều** : chúng ta có thể bỏ đi y trước một phụ âm, nhưng không bao giờ trước một nguyên âm.
- **Dấu** luôn luôn « lười lại » tối đa với các động từ; như thế sẽ được đặt
 - *trên âm tiết thứ 3* trước âm tiết cuối khi âm tiết này ngắn
 - *trên âm tiết thứ 2* trước âm tiết cuối khi âm tiết này dài .

Từ vựng

ἡ ἀλήθεια, ας	sự thật	ἀκούω	nghe, lắng nghe
ἡ ἐξουσία, ας	thẩm quyền, quyền thế	γινώσκω	hiểu biết
ἡ καρδία, ας	trái tim, tâm lòng	ἔχω	có (sở hữu)
ἡ ἀγάπη, ης	sự yêu thương	λαμβάνω	lấy, nhận lãnh
ἡ ζωή, ῆς	sự cuộc sống	λέγω	nói
ἡ φωνή, ῆς	tiếng nói, âm thanh	πιστεύω	tin

Nhiều từ mới ? Nhưng anh chị đã làm quen với một số động từ và đối với các thể từ (substantifs), anh chị hãy nghĩ đến *phonétique* (phát âm), *cardiologie* (ngành tim mạch trong y khoa), *zoologie* (động vật học)...